TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Nhàn
2. Bà Nguyễn Xuân Thuỷ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh***:** Bà Trần Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 644/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị M, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng G, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị M vắng mặt có đơn xin vắng mặt, anh G vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Chị và anh Lê Hoàng G chung sống vào năm 2011 đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc

bình thường, thời gian gần đây thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày, anh G không lo làm ăn mê cờ bạc và có người phụ nữ khác bên ngoài, xem thường vợ con. Anh, chị đã sống ly thân hơn 1 năm nay. Hiện vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, ai cũng có cuộc sống riêng cho mình nên chị M xin ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Bảo T, sinh ngày 24-4-2012 và Lê Hoàng N, sinh ngày 18-6-2014. Hiện con chung đang sống với chị M, chị M xin nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Hoàng G không đến Tòa, không có lời trình bày, vắng mặt không lý do.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị M đối với anh Lê Hoàng G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Bảo T, sinh ngày 24-4-2012 và Lê Hoàng N, sinh ngày 18-6-2014. Hiện 02 con chung đang sống với chị M, chị M xin nuôi 02 con chung có sự đồng ý của con chung nên cần giao 02 con chung Bảo T và Hoàng N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị M phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị M có đơn xin vắng mặt, anh G là bị đơn trong vụ án vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự mời anh G lên Tòa làm việc nhưng anh không đến cũng như không có lời khai về vụ án, anh G biết việc Toà án đang giải quyết vụ án hôn nhân của anh chị, anh G có liên hệ với Toà về việc chị M xin ly hôn và Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị M và anh G là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Lê Hoàng G chung sống vào năm 2011 đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, thời gian gần đây thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày, anh G không lo làm ăn mê cờ bạc và có người phụ nữ khác bên ngoài, xem thường vợ con. Anh chị đã sống ly thân hơn 1 năm nay. Hiện vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, ai cũng có cuộc sống riêng cho mình nên chị M xin ly hôn với anh G.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị M anh G là vợ chồng có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Trong mối quan hệ vợ chồng chung sống cần có sự hiểu nhau, chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Chị M, anh G trong cuộc sống vợ chồng không còn sự chia sẻ và đồng cảm, không hiểu nhau, không còn tình cảm, không hạnh phúc sẽ là gánh nặng của nhau. Hiện chị M không còn tình cảm với anh G, anh chị đã sống ly thân hơn 1 năm nay, không còn sự yêu thương chăm sóc cho nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng nên yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ chấp nhận.

Anh G biết chị M xin ly hôn nhưng không đến Tòa, không có lời trình bày, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa cho anh G theo quy định nhưng anh không đến Tòa là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị M nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Bảo T, sinh ngày 24-4-2012 và Lê Hoàng N, sinh ngày 18-6-2014. Hiện 02 con chung đang sống với chị M, chị M xin nuôi 02 con chung có sự đồng ý của con chung nên cần giao 02 con chung Bảo T1 và Hoàng N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị M đối với anh Lê Hoàng G. Chị Lê Thị M được ly hôn với anh Lê Hoàng G.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Bảo T, sinh ngày 24-4-2012 và Lê Hoàng N, sinh ngày 18-6-2014 cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Anh G được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Chị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009907 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, chị M đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm